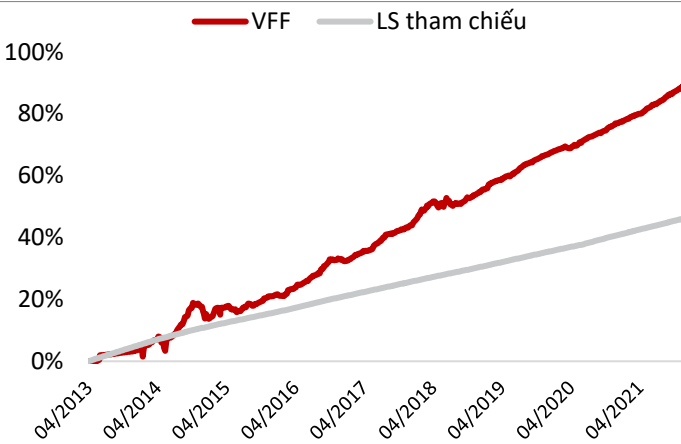


VFF Chiến lược đầu tư

- Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.
- Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

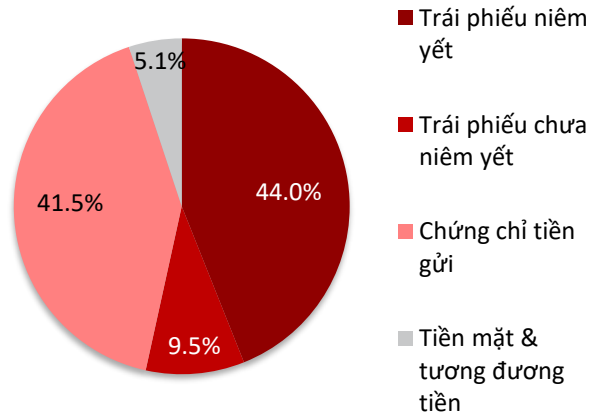
Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

	VFF	Chỉ số TC
Tổng tài sản Quỹ (tỷ VNĐ)	798	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	19.110	
Lợi nhuận tháng 12/2021 (%)	0,88	0,47
Lợi nhuận từ đầu năm 2021 (%)	7,72	5,56
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	7,10	5,05
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	7,68	4,48
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	91,10	46,76

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



Thông tin quỹ

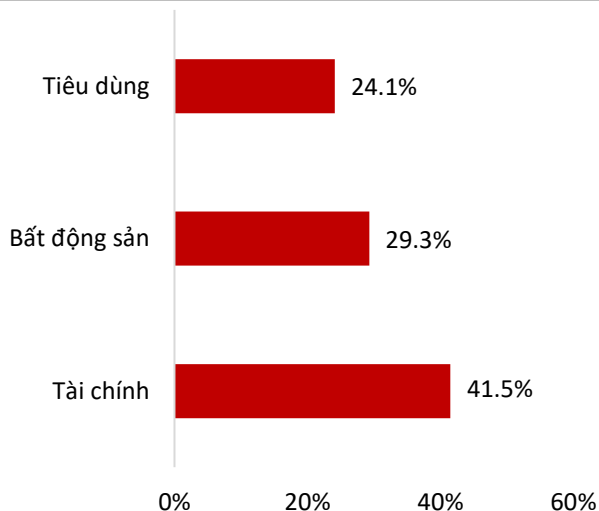
Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý	0,95% mỗi năm
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> • 2,0% < 12 tháng • 0,5% >= 12 tháng • 0,0% >= 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	2.000.000 VNĐ / ~USD90
Ngân hàng Giám sát & Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần
Chỉ số tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	1,13
Lợi suất khi đáo hạn (%)	7,53

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi Suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
SHB Finance	15,0	8,4	0,1
Kinh Bac	11,3	10,8	1,3
Masan Group	9,7	7,0	1,1
Phat Dat	9,1	11,0	1,3
Ha Do Group	9,0	10,2	0,9

Cập nhật thị trường và quỹ VFF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Lãi suất liên ngân hàng tháng 12 có xu hướng tăng do thanh khoản hệ thống ngân hàng giảm bởi nhu cầu tín dụng cuối năm tăng, tuy nhiên đó là yếu tố mang tính chất thời vụ. Ngân hàng nhà nước cũng đã có những động thái hỗ trợ thanh khoản qua thị trường mở OMO và thông qua việc mua đồng USD giao ngay. Cụ thể, thị trường mở OMO lần đầu hoạt động trở lại kể từ tháng bảy năm nay với khoảng 20,4 nghìn tỷ đồng được bơm qua kênh này thông qua các hoạt động mua lại đảo ngược (reserve repo). Trong khi đó, khoảng 20,4 nghìn tỷ đồng được bơm vào hệ thống thông qua 900 triệu đô la Mỹ được mua giao ngay. Do đó, lãi suất liên ngân hàng tăng 90 điểm cơ bản so với tháng trước, đóng cửa tại 1,57% một năm với kỳ hạn qua đêm; và đóng cửa tại 1,76% một năm (tăng 100 điểm cơ bản so với tháng trước) với kỳ hạn 1 tuần. Trong tháng 1 năm 2022, chúng tôi kỳ vọng áp lực lên thanh khoản liên ngân hàng vẫn còn do đợt Tết nguyên đán 2022 rơi vào tháng này; do đó lãi suất liên ngân hàng dự kiến vẫn trên mức 1% một năm.

Lợi suất TPCP tăng nhẹ từ 1-13 điểm cơ bản trên thị trường thứ cấp cho hầu như tất cả các kỳ hạn; giống như xu hướng lãi suất ở các nước trong khu vực trước quan ngại về việc Fed sẽ sớm tăng lãi suất. Cùng quan ngại đó, trên thị trường sơ cấp, KBNN trong tháng phát hành 30,2 nghìn tỷ đồng TPCP, giảm 11% so với tháng trước. Cụ thể do nhu cầu TPCP ở các kỳ hạn ngắn sụt giảm do lo ngại về xu hướng tăng lãi suất ngắn hạn trong thời gian tới. Theo đó, lãi suất trúng thầu tăng khoảng 16 điểm cơ bản so với tháng trước; và kỳ hạn phát hành tăng lên 17,8 năm so với mức 14,8 năm trong tháng 11. Tính từ đầu năm, KBNN đã phát hành hơn 318 nghìn tỷ đồng, chỉ đạt 85,3% so với kế hoạch năm.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, trong tháng 12 có 80 đợt phát hành TPDN trong nước với tổng giá trị phát hành là 65,7 nghìn tỷ đồng. Nhóm ngành ngân hàng và bất động sản xếp vị trí thứ nhất và thứ hai về giá trị phát hành; chiếm 71,4% và 14,5%. Lãi suất của trái phiếu ngành ngân hàng dao động từ 2,4-7,1%; trong khi đó lãi suất của ngành bất động sản dao động trong khoảng 11-13% một năm.

CẬP NHẬT QUỸ VFF

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 19.110 VND tại thời điểm cuối tháng 12, tăng 0,88% so với tháng trước. Tổng GTTSR của VFF đạt 798 tỷ. Trong tháng 12, quỹ VFF đã đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp Đường Thành Thành Công (SBT) với mức lãi suất 10,0% và trái phiếu doanh nghiệp Bất Động Sản Phát Đạt (PDR) với mức lãi suất 12%, qua đó duy trì mức tỷ suất sinh lợi ổn định cho quỹ VFF trong năm 2022.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2019	1,30%	0,46%	0,35%	0,69%	0,47%	0,80%	1,03%	0,46%	0,51%	0,70%	0,33%	0,60%	7,90%
2020	0,39%	0,48%	-0,25%	0,46%	0,87%	0,64%	0,41%	0,52%	0,36%	0,73%	0,64%	0,27%	5,67%
2021	0,57%	0,54%	0,36%	0,60%	0,63%	0,59%	0,60%	0,91%	0,52%	0,59%	0,67%	0,88%	7,72%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gạ gẫm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.